

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112,208,113,679	123,164,477,627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37,329,578,979	40,177,762,653
1. Tiền	111		31,629,578,979	14,332,184,005
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,700,000,000	25,845,578,648
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72,235,427,345	82,230,694,465
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	52,335,699,102	48,194,538,158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2,902,959,121	17,730,101,567
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	16,996,769,122	16,306,054,740
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	49,877,090
1. Hàng tồn kho	141	V.5	-	49,877,090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,643,107,355	706,143,419
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7	2,643,107,355	706,143,419
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		399,814,429,535	274,571,938,634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52,058,603,638	60,619,268,480
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	53,344,561,397	60,619,268,480
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1,285,957,759)	-
II. Tài sản cố định	220		282,866,561,830	121,769,389,962
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	282,514,617,388	121,124,778,852
<i>Nguyên giá</i>	222		435,322,702,900	241,471,887,879
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(152,808,085,512)	(120,347,109,027)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	351,944,442	644,611,110
<i>Nguyên giá</i>	228		5,251,521,818	5,251,521,818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,899,577,376)	(4,606,910,708)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	-	20,152,920,976
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	20,152,920,976
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18,847,773,081	18,847,773,081
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	12,391,312,981	12,391,312,981
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	6,456,460,100	6,456,460,100
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		46,041,490,986	53,182,586,135
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	46,041,490,986	53,182,586,135
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		512,022,543,214	397,736,416,261

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		340,157,320,341	236,845,313,760
I. Nợ ngắn hạn	310		111,040,507,355	108,127,108,737
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	36,643,534,640	51,111,388,445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	1,658,408,937	2,858,028,405
4. Phải trả người lao động	314	V.19	7,871,989,685	9,945,869,137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	37,432,553,372	14,959,402,882
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	365,379,300	365,379,300
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22	12,505,255,470	12,680,223,252
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23	11,668,212,000	14,098,145,801
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2,000,000,000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	895,173,951	2,108,671,515
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		229,116,812,986	128,718,205,023
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.25	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.26	109,037,513,276	108,196,998,340
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.27	120,079,299,710	20,521,206,683
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

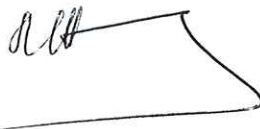
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		171,865,222,873	160,891,102,501
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	171,865,222,873	160,891,102,501
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120,086,720,000	120,086,720,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120,086,720,000	120,086,720,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12,823,473,989	8,958,411,489
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38,955,028,884	31,845,971,012
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10,191,382,255	31,845,971,012
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28,763,646,629	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		512,022,543,214	397,736,416,261

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hương

Bình Dương, ngày ... tháng 01 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Thành Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước (*)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		322,093,590,161	316,144,765,344
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(171,994,829,098)	(175,803,800,037)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(36,947,152,823)	(36,935,728,474)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(8,219,486,939)	(4,836,226,019)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(9,946,395,579)	(7,717,617,240)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		44,467,815,655	296,400,767,868
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(77,967,304,349)	(109,313,945,719)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		61,486,237,028	277,938,215,723
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(139,212,856,533)	(45,195,108,238)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,297,953,790	1,458,073,110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(137,914,902,743)	(43,737,035,128)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		111,226,305,027	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(16,129,213,818)	(192,966,581,912)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21,521,463,300)	(21,521,418,300)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>73,575,627,909</i>	<i>(214,488,000,212)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2,853,037,806)	19,713,180,383
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	40,177,762,653	20,458,215,711
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4,854,132	6,366,559
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>37,329,578,979</u>	<u>40,177,762,653</u>

Bình Dương, ngày tháng 01 năm 2020

Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Sơn

Nguyễn Viết Hà

Nguyễn Thị Minh Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Dáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83,341,753,125	69,766,022,571	284,172,798,466	280,028,322,911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83,341,753,125	69,766,022,571	284,172,798,466	280,028,322,911
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	59,226,209,770	49,524,086,659	192,767,794,730	194,105,395,547
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24,115,543,355	20,241,935,912	91,405,003,736	85,922,927,364
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	126,980,695	383,917,976	1,238,106,794	1,535,073,114
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,886,774,248	1,039,330,597	8,330,859,278	4,768,069,489
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,875,480,248	1,039,330,597	8,316,376,391	4,766,030,539
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1,349,753,185	1,414,461,741	2,941,489,938	2,697,584,541
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8,948,544,143	8,835,581,779	33,206,138,604	35,259,281,116
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,057,452,474	9,336,479,771	48,164,622,710	44,733,065,332
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7,308	15,026	107,698,598	56,600,776
12. Chi phí khác	32	VI.8	49,890,046	2,029	49,909,495	157,687,961
13. Lợi nhuận khác	40		(49,882,738)	12,997	57,789,103	(101,087,185)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,007,569,736	9,336,492,768	48,222,411,813	44,631,978,147
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,122,944,425	1,878,350,073	9,558,608,934	9,163,498,545
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,884,625,311	7,458,142,695	38,663,802,879	35,468,479,602
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		554	528	2,716	2,510

Bình Dương, ngày ... tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Nguyễn Viết Hà


 Nguyễn Thị Minh Hương


Nguyễn Thành Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường DT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ lưu giữ than đá, phế liệu, hóa chất);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ kiểm điểm; dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu; dịch vụ xuất nhập khẩu uỷ thác; dịch vụ khai thuê hải quan (chỉ được hoạt động sau khi thực hiện đầy đủ Quy định về điều kiện và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan);
- Dịch vụ phân phối hàng nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Sửa chữa container, Vệ sinh container; Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)/.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	Đường DT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vận tải, kho bãi	36%	36%	36%
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Số 101 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải và thuê tàu	20%	20%	20%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 165 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 157 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê cơ sở hạ tầng và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phê duyệt. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ thời điểm ngày 01 tháng 6 năm 2016.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định mua mới như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	05

Số năm khấu hao của tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 11
Máy móc và thiết bị	01 - 03
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	01 - 03
Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 03

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Dáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.555.542.213	3.421.734.630
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.074.036.766	10.910.449.375
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) (*)	5.700.000.000	25.845.578.648
Cộng	37.329.578.979	40.177.762.653

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 5.700.000.000 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh V.16).

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>12.391.312.981</i>			<i>12.391.312.981</i>		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương (i)	11.440.000.000			11.440.000.000		
Công ty Cổ phần Maruzen Unithai Logistics Việt Nam (ii)	951.312.981			951.312.981		
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>6.456.460.100</i>		<i>11.046.899.800</i>	<i>6.456.460.100</i>		<i>12.122.937.400</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội (iii)	6.456.460.100		11.813.651.200	6.456.460.100		11.046.899.800
Cộng	18.847.773.081		11.046.899.800	18.847.773.081		12.122.937.400

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700923658 thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương 1.080.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 1.080.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.080.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000038 ngày 16 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam 480.000.000 VND (48.000 cổ phần) tương đương 20% vốn điều lệ. Sau khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được xác định lại là 951.312.981 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ cam kết góp.

(iii) Công ty ủy thác cho Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Quân đội. Sau khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được xác định lại là 6.456.460.100 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, số lượng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội mà Công ty ủy thác đầu tư là 567.964 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm		

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	2.473.735.134	3.726.946.882
Sử dụng dịch vụ	11.330.992.099	12.905.457.756
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	1.103.890.026	1.009.143.658
Công ty liên kết chia cổ tức	315.410.862	377.753.212

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	4.118.732.405	2.346.966.147
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	3.576.473.498	673.200.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	202.295.569	1.263.661.827
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	88.945.627	79.056.362
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	251.017.711	331.047.958
Phải thu các khách hàng khác	48.216.966.697	45.847.572.011
Công ty TNHH Kimberly - Clark Việt Nam	9.781.144.916	9.483.689.042
Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	2.054.586.338	2.828.283.044
Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	8.708.533.362	7.661.875.925
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế Dương Minh		2.884.396.252
Công ty Cổ phần Marico South East Asia	1.572.830.892	1.776.644.339
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Isa Việt Nam		1.462.989.916
Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Logitem Việt Nam	2.297.835.540	2.297.835.540
Công ty TNHH SG Sagawa Việt Nam	634.027.438	
Công ty TNHH SG Sagawa Express Việt Nam - Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh		1.049.320.066
Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Thương mại Thế giới Huy Hoàng	119.963.877	1.694.469.715

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nissin Logistics Việt Nam	1.672.692.004	4.134.643.043
Công ty TNHH ITL Bình Dương	6.620.196.622	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Phát triển Logistics Toàn Cầu	3.635.552.637	3.635.552.637
Các khách hàng khác	11.119.603.071	6.937.872.492
Cộng	<u>52.335.699.102</u>	<u>48.194.538.158</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>2.902.959.121</i>	<i>17.730.101.567</i>
Công ty Cổ phần Phụ kiện và Nhà thép Nhất	2.820.197.121	17.689.786.567
Các nhà cung cấp khác	82.762.000	40.315.000
Cộng	<u>2.902.959.121</u>	<u>17.730.101.567</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>9.657.285.846</i>		<i>10.865.101.213</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng				
- Lãi hợp tác kinh doanh	520.494.173		3.094.492.516	
- Thu khấu hao hàng năm - HĐ hợp tác kinh doanh kho, bãi.	9.136.791.673		7.770.608.697	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.256.331.134</i>		<i>5.440.953.527</i>	
Phải thu nhiên liệu đội cơ giới	62.536.318		60.218.556	
Tạm ứng	1.604.024.880		468.500.000	
Phải thu phần thuế GTGT đầu vào chưa kê khai			1.881.662.316	
Ký cược, ký quỹ	688.000.000		688.000.000	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	7.386.575		73.215.116	
Các khoản chi hộ	4.894.383.361		2.269.357.539	
<i>Công ty TNHH Kimberly Clark Việt Nam - Chi hộ hãng tàu</i>			<i>41.458.527</i>	
<i>Công ty TNHH Kimberly Clark Việt Nam - Chi hộ thuế</i>			<i>266.108.893</i>	
<i>Công ty TNHH MTV Việt Nam Thương mại Thế giới Huy Hoàng- Chi hộ hãng tàu</i>			<i>105.685.972</i>	
<i>Công ty TNHH MTV Việt Nam Thương mại Thế giới Huy Hoàng- Chi hộ thuế</i>	<i>2.178.864.759</i>		<i>1.144.641.599</i>	
<i>Công ty TNHH Nissin Logistics (VN) - Chi hộ phí năng hạ</i>	<i>1.952.847.034</i>		<i>683.907.235</i>	
<i>Chi hộ các đối tượng khác</i>	<i>762.671.568</i>		<i>27.555.313</i>	

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	<u>16.989.382.547</u>		<u>16.306.054.740</u>	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	<u>25.485.561.397</u>		<u>32.132.268.480</u>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	25.485.561.397		32.132.268.480	
- Phải thu vốn góp hợp tác kinh doanh bãi IDI ⁽ⁱ⁾	2.798.825.368		2.919.874.687	
- Phải thu vốn góp hợp tác kinh doanh kho DHL ⁽ⁱⁱ⁾	22.686.736.029		29.212.393.793	
Phải thu các tổ chức khác	<u>27.859.000.000</u>		<u>28.487.000.000</u>	
Các khoản ký cược, ký quỹ	27.859.000.000		28.487.000.000	
Cộng	<u>53.344.561.397</u>		<u>60.619.268.480</u>	

(i) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2408/IDI-KHKD ngày 24 tháng 8 năm 2015 về việc đầu tư xây dựng và khai thác bãi container tại ICD Tân Cảng Sóng Thần giữa ba bên là Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng, Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần và Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương. Theo Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10A/PLHĐ-TCIDI ngày 17 tháng 01 năm 2017, thời hạn hợp tác là 10 năm. Khi hết thời hạn hợp tác, nếu Bộ Quốc phòng không có nhu cầu thu hồi đất thì hợp đồng hợp tác kinh doanh tiếp tục được gia hạn để khai thác.

(ii) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 về việc Đầu tư xây dựng và khai thác kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần giữa ba bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng (bên A), Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (bên B) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (bên C). Thời hạn hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn giao cơ sở hạ tầng cho bên A. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 38.196.978.088 VND, tương đương 35% tổng vốn đầu tư của dự án.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu			49.877.090	

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	<u>37.714.684.234</u>	<u>43.558.095.219</u>
Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	<u>8.326.806.752</u>	<u>9.624.490.916</u>
Cộng	<u>46.041.490.986</u>	<u>53.182.586.135</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường DT 743, Khu phố Bình Dương, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Phương tiện			Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	vận tải, truyền dẫn		
Số đầu năm	209.173.584.204	11.543.792.091	12.905.877.203	7.377.634.381	241.471.887.879
Mua trong năm		60.000.000			60.000.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	194.285.464.945		494.649.924		194.285.464.945
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối năm	403.930.049.149	11.603.792.091	12.411.227.279	7.377.634.381	435.322.702.900

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.546.797.730	5.376.023.970	5.749.369.160	7.194.561.381	25.866.752.241
Chờ thanh lý					

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	97.845.536.423	8.020.365.744	7.056.794.279	6.943.434.914	119.866.131.360
Khấu hao trong năm	30.010.443.842	1.409.632.132	1.155.773.013	366.105.165	32.941.954.152
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối năm	127.855.980.265	9.429.997.876	8.212.567.292	7.309.540.079	152.808.085.512

Giá trị còn lại

Số đầu năm	111.799.047.781	3.523.426.347	5.849.082.924	434.199.467	121.124.778.852
Số cuối năm	276.074.068.884	1.679.144.291	3.704.010.063	68.094.302	281.525.317.540

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 230.172.993.938 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Nam Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.251.521.818	(4.606.910.708)	644,611,110
Tăng do mua sắm trong năm			
Khấu hao trong năm		(292,666,668)	
Giảm khác			
Số cuối năm	5.251.521.818	(4,899,577,376)	351,944,442

Trong đó:

Nguyên giá chương trình phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.369.521.818 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	20.152.920.976	174,132,543,969	(194,285,464,945)	
<i>Công trình nhà kho 23</i>	<i>20.152.920.976</i>	<i>174,132,543,969</i>	<i>(194,285,464,945)</i>	
Cộng	20.152.920.976	174,132,543,969	(194,285,464,945)	

11. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	11.786.043.428	25.905.687.618
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	11.544.460.766	22.298.941.789
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Bình Dương	215.122.662	2.325.677.761
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	26.460.000	26.460.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		478.124.598
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC		1.850.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh		743.325.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		31.308.470
Phải trả các nhà cung cấp khác	24.857.491.212	25.205.700.827
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	1.094.273.600	1.361.136.680
Công ty TNHH Thạnh Long	2.135.473.228	2.789.939.606
Công ty TNHH V.A.S	328.527.936	1.344.045.501
Các nhà cung cấp khác	21.299.216.448	19.710.579.040
Cộng	36.643.534.640	51.111.388.445

11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa		706.143.419	30.003.561.599	(31.940.525.535)		2.643.107.355
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.701.874.416		9.558.608.934	(10.816.889.755)	1.443.593.595	
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên hợp tác kinh doanh nộp hộ			870.494.176	(870.494.176)		
Thuế thu nhập cá nhân	156.153.989		1.624.123.774	(1.565.462.421)	214.815.342	
Các loại thuế khác			3.000.000	(3.000.000)		
Cộng	2.858.028.405	706.143.419	42.059.788.483	(45.196.371.887)	1.658.408.937	2.643.107.355

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch 5 %
- Các dịch vụ khác 10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.222.411.813	44.644.120.875
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	226.822.119	861.763.562
Chi phí không hợp lệ	240.000.000	876.523.109
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền tại ngày 31 tháng 5 năm 2016 đã thực hiện vào cuối năm		
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền cuối năm nay	(13.177.881)	(13.478.406)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu cuối năm trước đã thực hiện trong năm nay		(1.281.141)
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm nay		
Thu nhập chịu thuế		45.505.884.437
Thu nhập được miễn thuế	(656.189.262)	(664.121.812)
Thu nhập tính thuế	47.793.044.670	44.841.762.625
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<u>9.558.608.934</u>	<u>8.968.352.525</u>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		194.622.565
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>9.558.608.934</u>	<u>9.162.975.090</u>

Trong đó:

<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động hợp tác liên doanh</i>	870.494.176	894.150.655
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty</i>	8,688,114,758	8.268.824.435

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>2.616.167.289</u>	<u>14.158.797.764</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn		
<i>Chi phí thuê đất</i>		2.526.152.515
<i>Phí tư vấn quản lý</i>	117.676.782	117.676.782
<i>Chi phí thuê tài sản trên đất</i>		11.024.094.131
<i>Chi phí thuê vỏ cont</i>	562.350.000	231.060.000
<i>Chi phí sửa chữa lớn xe nâng 11-40</i>	217.329.363	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương - chi phí bốc xếp	1.718.811.144	259.814.336
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		<u>800.605.118</u>
<i>Chi phí lãi vay phải trả</i>	165.539.168	68.649.716
<i>Chi phí vận chuyển đường sắt</i>		39.341.818
<i>Chi phí xây dựng kho 23 (50.000 m²)</i>	34.141.372.415	
<i>Các chi phí phải trả ngắn hạn khác</i>	509.474.500	692.613.584
Cộng	<u>37.432.553.372</u>	<u>14.959.402.882</u>

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Bình Dương – Tiền trả trước về cho thuê tài sản	365.379.300	365.379.300

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>6.150.014.002</u>	<u>4.530.014.003</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	1.620.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Tân Cảng – Phải trả tiền thu hộ hợp tác kinh doanh	4.530.014.002	4.530.014.003
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		8.150.209.249
Kinh phí công đoàn	256.685.882	197.834.100
Bảo hiểm xã hội	513.294.848	520.112.369
Bảo hiểm y tế		
Bảo hiểm thất nghiệp		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.584.710.780	7.087.560.780
Thù lao HĐQT, Ban quản lý điều hành		325.800.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	549.958.0	18.902.000
Cộng	<u>12.505.255.470</u>	<u>12.680.223.252</u>

15b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các tổ chức khác, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Logitem Việt Nam	27.407.600.710	27.407.600.710
Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	767.250.000	767.250.000
Công ty TNHH Nissin Logistics Việt Nam	2.342.930.400	2.342.930.400
Công ty TNHH Hanjin Logistics Việt Nam		
Công ty Cổ phần Tiến bộ Quốc tế		
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nam Bình Dương	401.917.230	401.917.230
Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Thương mại Thế giới Huy Hoàng		
Công ty TNHH Lotte logistics Việt Nam		
Công ty Cổ phần Đối tác Chân Thật		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Toàn Thắng	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế Dương Minh		1.570.500.000
Công ty TNHH SG Sagawa Express Việt Nam – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh		1.576.800.000
Công ty TNHH SG Sagawa Việt Nam	1.576.800.000	
Công ty Cổ phần ADDED - VALUE	120.000.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH Logistics Vincom		
Công ty TNHH ITL Bình Dương	48.333.333.336	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	350.000.000	350.000.000
Cộng	<u>109.037.513.276</u>	<u>108.196.998.340</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>11.668.212.000</i>	<i>14.098.145.801</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng		1.509.933.801
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾		1.509.933.801
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	11.668.212.000	12.588.212.000
Cộng	11.668.212.000	14.098.145.801

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,8%, thời hạn vay không quá 2 tháng, hạn mức là 40 tỷ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.509.933.801	12.588.212.000	14.098.145.801
Số tiền vay phát sinh	2.031.068.017		2.031.068.017
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		11.668.212.000	11.668.212.000
Số tiền vay đã trả	(3.541.001.818)	(12.588.212.000)	(16.129.213.818)
Số cuối năm		11.668.212.000	11.668.212.000

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	853.957.891	3.613.957.891
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	2.859.036.792	7.147.248.792
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^{(iii) (iv)}	116.366.305.027	9.760.000.000
Cộng	120.079.299.710	20.521.206.683

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Hợp đồng cấp tín dụng số 152.16.203.180916.TD ngày 26 tháng 1 năm 2016 cho vay thanh toán chi phí đầu tư xây dựng đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại số 7/20 đường ĐT743, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 60 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Hợp đồng cấp tín dụng số 9978.16.130.180916.TD ngày 13 tháng 7 năm 2016 cho vay góp vốn đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần tại địa chỉ số 720 đường ĐT743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 120 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Hợp đồng tín dụng số 002D17 ngày 18 tháng 01 năm 2017 cho vay thanh toán chi phí đầu tư thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng kho 20 mở rộng" tại địa chỉ số 7/20 đường ĐT743, khu phố Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 60 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 9/HDD2017-VCBBD ngày 18 tháng 01 năm 2017.

- (iv) Hợp đồng tín dụng số 016D18 ngày 27 tháng 12 năm 2018 cho vay thanh toán chi phí đầu tư thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng kho phục vụ khách hàng Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần (ITL)" – Kho số 23 tại địa chỉ số 7/20 đường ĐT743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 84 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng hợp tác và cho thuê Kho 23.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	11.668.212.000	12.588.212.000
Trên 1 năm đến 5 năm	120.079.299.710	20.521.206.683
Trên 5 năm		
Cộng	131,747,511,710	33.109.418.683

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20,521,206,683	33.109.418.683
Số tiền vay phát sinh	111,226,305,027	
Số tiền vay đã trả		
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(11.668.212.000)	(12.588.212.000)
Số cuối năm	120.079.299.710	20.521.206.683

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.267.694.410	2.249.810.407		3.905.000.000	25.204.817
Quỹ phúc lợi	325.434.204	3.865.062.500	8.400.000	3.642.265.654	556.631.050
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	515.542.901	237.500.000	(275.000.000)	245.000.000	233.042.901
Cộng	2.108.671.515	6.352.372.907	(266.600.000)	7.792.265.654	814.878.768

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	120.086.720.000	8.958.411.489	31.845.971.012	160.891.102.501
Lợi nhuận trong năm nay			38.663.802.879	38.663.802.879
Trích lập các quỹ năm nay		3.865.062.500	(9.979.935.407)	(6.114.872.907)
Chia cổ tức			(21.615.609.600)	(21.615.609.600)
Thù lao HĐQT, BKS			3.300.000	3.300.000
Hoàn quỹ khen thưởng Ban điều			275.000.000	275.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
hành năm trước				
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành năm nay			(237.500.000)	(237.500.000)
Số dư cuối năm nay	<u>120.086.720.000</u>	<u>12.823.473.989</u>	<u>38.955.028.884</u>	<u>171.865.222.873</u>

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	61.244.230.000	61.244.230.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	43.533.550.000	43.533.550.000
Các cổ đông khác	15.308.940.000	15.308.940.000
Cộng	<u>120.086.720.000</u>	<u>120.086.720.000</u>

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.008.672	12.008.672
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu phổ thông	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu phổ thông	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	103,380.75	81.022,81

Lập, ngày 01 tháng 01 năm 2020


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Việt Hà



Nguyễn Thị Minh Hương




Nguyễn Thành Sơn